

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Phạm Ngọc P, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Phạm Ngọc P tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 30/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với cha mẹ anh tại địa chỉ ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 08 tháng nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do chị P thường hay kiểm chuyện cự cãi, ghen tuông vô cớ, không nghe anh giải thích, ngược lại nhiều lần dùng vũ lực đánh anh (anh không đánh

trả lại), sau mỗi lần như vậy thì chị P bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của chị P sống một thời gian, rồi trở về. Đến tháng 7/2023, chị P tiếp tục kiếm chuyện cự cãi với anh rồi bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của chị P để sinh sống và ly thân với anh cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh và chị P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phạm Ngọc P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh N, chị P là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống do chị P thường hay kiếm chuyện, ghen tuông vô cớ, không nghe anh N giải thích, làm cho vợ chồng xảy ra cự cãi, nhiều lần dùng vũ lực đối với anh N, sau mỗi lần cãi vã chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị, sự việc diễn ra trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Anh N và chị P có thời gian dài sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với chị P. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không có văn bản

trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh N. Căn cứ vào lời trình bày của anh N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa anh N và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh N và chị P.

[2] Về con chung: Anh N xác định anh và chị P không có con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối lời trình bày của anh N về con chung. Nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2], [3] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết anh N phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Ngọc P.
2. Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn N phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai

thư số N₀ 0014054 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Lê Văn N; vắng mặt chị Phạm Ngọc P. Báo cho anh N có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị P vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân